

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

Tiết 1

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc :

– Chủ yếu kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng : HS đọc thông các bài tập đọc đã học từ đầu học kì II của lớp 3 (phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 70 tiếng / phút ; biết ngừng nghỉ sau các dấu câu, giữa các cụm từ).

– Kết hợp kiểm tra kỹ năng đọc – hiểu : HS trả lời được 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.

2. Biết viết một bản thông báo ngắn (theo kiểu quảng cáo) về một buổi liên hoan văn nghệ của liên đội : gọn, rõ, đủ thông tin, hấp dẫn các bạn đến xem.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc (không có yêu cầu HTL) trong sách *Tiếng Việt 3, tập hai* (gồm cả các văn bản thông thường).
- Giấy rời khổ A4 (hoặc mặt trắng của các tờ lịch cũ) ; bút màu để viết và trang trí thông báo.
- Bảng phụ viết một mẫu của thông báo :

Chương trình liên hoan văn nghệ

Liên đội ...

Chào mừng ...

Các tiết mục đặc sắc :

Địa điểm :

Thời gian :

Lời mời :

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài

- Giới thiệu nội dung học tập của tuần 35 : Ôn tập, củng cố kiến thức và kiểm tra kết quả học môn Tiếng Việt của HS suốt học kì II.
- Giới thiệu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra Tập đọc (1/4 số HS trong lớp)

Phần *Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng* ở các tiết 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 dành để kiểm tra lấy điểm TĐ và HTL. Các tiết 1, 2, 3, 4 kiểm tra lấy điểm TĐ. Các tiết 5, 6, 7, kiểm tra lấy điểm HTL.

GV căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lí để mỗi HS đều có điểm. Cách kiểm tra như sau :

- Từng HS lên bốc thăm chọn bài TĐ (sau khi bốc thăm, được xem lại bài khoảng 1, 2 phút).
- HS đọc 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu.
- GV đặt 1 câu hỏi về đoạn vừa đọc, HS trả lời.
- GV cho điểm theo hướng dẫn của Vụ Giáo dục Tiểu học. Với những HS đọc không đạt yêu cầu, GV cho các em về nhà luyện đọc để kiểm tra lại trong tiết học sau.

3. Bài tập 2

a) Hướng dẫn HS chuẩn bị

- HS đọc yêu cầu của bài.
- HS đọc thâm lại bài quảng cáo *Chương trình xiếc đặc sắc (Tiếng Việt 3, tập hai, tr.46)*.
- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi : *Cần chú ý những điểm gì khi viết thông báo ?*
HS phát biểu. GV chốt lại :
 - + Mỗi em đóng vai người tổ chức một buổi liên hoan văn nghệ của liên đội để viết thông báo.
 - + Bản thông báo cần viết theo kiểu quảng cáo. Cụ thể :
 - Về nội dung : đủ thông tin (mục đích – các tiết mục – thời gian – địa điểm – lời mời). GV mở bảng phụ đã viết một mẫu thông báo. Lưu ý HS có thể viết đảo thứ tự các nội dung.
 - Về hình thức : lời văn gọn, rõ ; trình bày, trang trí lạ, hấp dẫn.

b) HS viết thông báo

- HS viết thông báo trên giấy A4 hoặc mặt trắng của tờ lịch cũ. Trang trí thông báo với các kiểu chữ, bút màu, hình ảnh,...
- HS tiếp nối nhau dán thông báo lên bảng lớp và đọc nội dung thông báo.
- Cả lớp và GV bình chọn bản thông báo được viết đúng, trình bày hấp dẫn nhất. GV chấm điểm.
- GV thu bài của HS.

4. Củng cố, dặn dò

GV nhắc HS lập một sổ lưu giữ các sản phẩm : bài viết, bản thông báo, tranh minh họa cho bài đọc do mình vẽ để làm kỉ niệm. Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 2

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc (Yêu cầu như tiết 1).
2. Củng cố và hệ thống hoá vốn từ theo các chủ điểm : *Bảo vệ Tổ quốc, Sáng tạo, Nghệ thuật*.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc trong sách *Tiếng Việt 3, tập hai*.
- Bút dạ + một số tờ phiếu khổ to kẻ sẵn bảng để HS làm BT2 (xem mẫu ở phần lời giải BT2).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra tập đọc (1/4 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài ; làm bài theo nhóm. GV phát phiếu và bút dạ cho các nhóm.

– Đại diện các nhóm dán bài lên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét nhóm có vốn từ phong phú nhất.

– Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT).

Lời giải

Bảo vệ Tổ quốc	<ul style="list-style-type: none">– Từ ngữ cùng nghĩa với <i>Tổ quốc</i> : <i>đất nước, non sông, nước nhà, đất Mẹ.</i>– Từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ <i>Tổ quốc</i> : <i>canh gác, kiểm soát bầu trời, tuần tra trên biển, tuần tra biên giới, chiến đấu, chống xâm lược,...</i>
Sáng tạo	<ul style="list-style-type: none">– Từ ngữ chỉ trí thức : <i>kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, luật sư,...</i>– Từ ngữ chỉ hoạt động của trí thức : <i> nghiên cứu khoa học, thực nghiệm khoa học, giảng dạy, khám bệnh, lập đồ án,...</i>
Nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none">– Từ ngữ chỉ những người hoạt động nghệ thuật : <i>nhạc sĩ, ca sĩ, nhà thơ (thi sĩ), nhà văn (văn sĩ), đạo diễn, nhà quay phim, nhà soạn kịch, biên đạo múa, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, diễn viên, nhà tạo mốt, nhà thư pháp,...</i>– Từ ngữ chỉ hoạt động nghệ thuật : <i>ca hát, sáng tác, biểu diễn, đánh đàn, nặn tượng, vẽ tranh, quay phim, chụp ảnh, làm thơ, viết văn, múa, thiết kế thời trang,...</i>– Từ ngữ chỉ các môn nghệ thuật : <i>âm nhạc, hội họa, văn học (gồm thơ, văn,...) kiến trúc, điêu khắc, điện ảnh, kịch,...</i>

4. Củng cố, dặn dò

GV nhắc HS ghi nhớ những từ ngữ vừa được ôn luyện.

Tiết 3

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc (Yêu cầu như tiết 1).
2. Rèn kĩ năng chính tả : nghe viết lại chính xác, trình bày đúng bài thơ viết theo thể lục bát (*Nghệ nhân Bát Tràng*).

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Phiếu viết tên từng bài tập đọc trong sách *Tiếng Việt 3, tập hai*.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra tập đọc (1/4 số HS) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2 (Nghe – viết : *Nghệ nhân Bát Tràng*)

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị*

- GV đọc 1 lần bài chính tả *Nghệ nhân Bát Tràng*.
- Hai, ba HS đọc lại. Cả lớp theo dõi trong SGK.
- HS đọc chú giải nghĩa của các từ : *Bát Tràng, cao lanh* (trong SGK)
- Giúp HS nắm nội dung bài. GV hỏi : *Dưới ngòi bút của nghệ nhân Bát Tràng, những cảnh đẹp nào đã hiện ra ?* (những sắc hoa, cánh cò bay đập dờn, lũy tre, cây đa, con đò lá trúc đang qua sông,...)
- HS nói về cách trình bày bài thơ lục bát (dòng 6 chữ viết cách lề vở 3 ô li, dòng 8 chữ viết cách lề vở 1 ô li) ; đọc thầm bài thơ, ghi nhớ những chữ cần viết hoa, viết ra giấy nháp những chữ mình dễ mắc lỗi.

b) *GV đọc cho HS viết*

c) *Chấm, chữa bài*

GV có thể thu vở để chấm toàn bộ số bài.

4. Củng cố, dặn dò

GV khuyến khích HS về nhà HTL bài chính tả ; dặn những HS chưa có điểm kiểm tra đọc về nhà tiếp tục luyện đọc.

Tiết 4

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc (yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện về nhân hoá, các cách nhân hoá.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Phiếu ghi tên từng bài tập đọc.
- Tranh minh hoạ bài thơ *Cua Càng thổi xôi*. Thêm ảnh *sam, dã tràng, còng* (nếu có).
- 4 tờ phiếu khổ to kẻ bảng để HS làm BT2a (xem mẫu phần lời giải). Phô tô các phiếu cỡ nhỏ đủ phát cho từng HS (nếu không có VBT).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra tập đọc (số HS còn lại) : Thực hiện như tiết 1.

3. Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của BT. Quan sát tranh minh hoạ bài thơ. GV giới thiệu ảnh *sam, dã tràng, còng* (nếu có).

– Cả lớp đọc thầm bài thơ, tìm tên các con vật được kể đến trong bài. (Có 7 con vật : Cua Càng, Tép, Ốc, Tôm, Sam, Còng, Dã Tràng).

– HS đọc thầm lại bài thơ, làm bài cá nhân hoặc trao đổi theo cặp. GV phát phiếu khổ to cho 4 cặp.

– HS phát biểu, trả lời câu hỏi :

a) Mỗi con vật được nhân hoá nhờ những từ ngữ nào ? Những HS làm bài trên phiếu dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả BT2a. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

Những con vật đọc nhân hoá	Từ ngữ nhân hoá con vật	
	Các con vật được gọi	Các con vật được tả
Cua Càng		thối xôi, đi hội, công nổi
Tép	cái	đỏ mắt, nhóm lửa, chép miệng
Ốc	cậu	vặn mình, pha trà
Tôm	chú	lật đật, đi chợ, dắt tay bà Còng
Sam	bà	dựng nhà
Còng	bà	
Dã Tràng	ông	móm mém, rụng hai răng, khen xôi dẻo

b) HS trả lời câu hỏi : *Em thích hình ảnh nào ? Vì sao ?* Các em có thể thích những hình ảnh bất kì, với những lí do khác nhau. VD : Vì hình ảnh đó đẹp, vui nhộn, ngộ nghĩnh buồn cười,... GV khuyến khích các em nói những suy nghĩ riêng.

4. Củng cố, dặn dò

GV dặn HS về nhà HTL bài thơ *Cua Càng thối xôi* ; đọc lại những bài tập đọc có yêu cầu HTL trong SGK *Tiếng Việt 3, tập hai* để chuẩn bị cho tiết kiểm tra tới.

Tiết 5

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra lấy điểm HTL 14 bài tập đọc có yêu cầu HTL (từ đầu học kì II).
2. Rèn kĩ năng nói : Nghe kể câu chuyện *Bốn cẳng và sáu cẳng*, nhớ nội dung câu chuyện, kể lại tự nhiên, giọng vui, khôi hài.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

– 14 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài tập đọc có yêu cầu HTL (*Bộ đội về làng, Chú ở bên Bác Hồ, Bàn tay cô giáo, Cái cầu, Em vẽ Bác Hồ, Ngày hội rừng xanh, Đi hội chùa Hương, Cùng vui chơi, Bé thành phi công. Một mái nhà chung, Bài hát*

trồng cây, Mè hoa lượn sóng, Mặt trời xanh của tôi, Mưa). (Không kiểm tra HS học thuộc 1 đoạn của bài văn xuôi *Quà của đồng nội*)

- Tranh minh hoạ truyện vui *Bốn cẳng và sáu cẳng* trong SGK.
- Bảng lớp viết 3 câu hỏi gợi ý kể chuyện.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra học thuộc lòng (1/3 số HS trong lớp)

– Từng HS lên bốc thăm chọn bài HTL. Sau khi bốc thăm, xem lại trong SGK bài vừa chọn khoảng 1, 2 phút.

– HS đọc thuộc lòng cả bài hoặc khổ thơ theo phiếu chỉ định. GV cho điểm. Những HS không thuộc bài được về nhà tiếp tục luyện đọc để kiểm tra lại vào tiết sau.

3. Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài và các câu hỏi gợi ý. Quan sát tranh minh hoạ trong SGK.

– GV kể chuyện (giọng khôi hài). Kể xong lần 1, hỏi HS (theo các gợi ý) :

+ *Chú lính được cấp ngựa để làm gì ?* (Để đi làm một công việc khẩn cấp.)

+ *Chú sử dụng con ngựa như thế nào ?* (Chú dắt ngựa ra đường nhưng không cưỡi mà cứ đánh ngựa rồi cầm cổ chạy theo.)

+ *Vì sao chú cho rằng chạy bộ nhanh hơn cưỡi ngựa ?* (Vì chú nghĩ là ngựa có 4 cẳng, nếu chú cùng chạy bộ với ngựa thì sẽ thêm được hai cẳng nữa thành 6 cẳng, tốc độ chạy do vậy sẽ nhanh hơn.)

– GV kể lần 2. HS chăm chú nghe.

– Một HS giỏi kể lại câu chuyện.

– Từng cặp HS tập kể.

– HS nhìn bảng đã chép các gợi ý, thi kể lại nội dung câu chuyện.

– Cuối cùng, GV hỏi : *Truyện này gây cười ở điểm nào ?* (Truyện gây cười vì chú lính ngốc cứ tưởng rằng tốc độ chạy nhanh hay chậm phụ thuộc vào số lượng cẳng : ngựa và người cùng chạy, số cẳng càng lớn thì tốc độ chạy càng cao.)

– GV và cả lớp bình chọn những bạn kể chuyện hay và hiểu tính khôi hài của câu chuyện.

Sau đây là nội dung câu chuyện :

Bốn cẳng và sáu cẳng

Có chú lính được quan sai đi công việc gấp. Thấy cai cấp ngựa cho chú để đi cho nhanh.

Chú lính dắt ngựa ra đường nhưng không cưỡi mà cứ đánh ngựa rồi cầm cổ chạy theo. Người đi đường lấy làm lạ bèn hỏi :

– Sao chú không cưỡi ngựa để chạy cho mau ?

Chú lính vừa thở hổn hển vừa trả lời :

– Anh hỏi hay thật ! Bốn cẳng lại chạy nhanh hơn sáu cẳng được à !

Theo Truyện cười dân gian Việt Nam

4. Củng cố, dặn dò

– GV dặn HS về nhà tập kể lại câu chuyện *Bốn cẳng và sáu cẳng* ; những em chưa có điểm kiểm tra HTL tiếp tục luyện đọc.

– Dặn HS làm thử bài luyện tập ở tiết 8 để chuẩn bị kiểm tra cuối năm.

Tiết 6

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm HTL.

2. Rèn kĩ năng viết chính tả : Viết chính xác, trình bày đúng bài thơ *Sao Mai* (thơ 4 chữ).

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

14 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài TĐ có yêu cầu HTL.

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. **Giới thiệu bài** : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. **Kiểm tra học thuộc lòng** (1/3 số HS) : Thực hiện như tiết 5.

3. **Bài tập 2** (Nghe – viết bài *Sao Mai*)

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị*

– GV đọc 1 lần bài chính tả *Sao Mai*. Hai, ba HS đọc lại.

– GV nói với HS về *sao Mai* : tức là sao Kim, có màu sáng xanh, thường thấy vào lúc sáng sớm nên có tên là sao Mai. Vẫn sao này nhưng mọc vào lúc chiều tối thì có tên là sao Hôm.

– GV : *Ngôi sao Mai trong bài thơ chăm chỉ như thế nào ?* (Khi bé ngủ dậy thì thấy sao Mai đã mọc ; gà gáy canh tư, mẹ xay lúa, sao nhòm qua cửa sổ ; mặt trời dậy, bạn bè đi chơi hết (đã lặn hết), sao vẫn làm bài mãi miết (chưa lặn).

– HS nói về cách trình bày bài thơ bốn chữ (những chữ đầu dòng thơ viết cách lề vở 3 ô li) ; đọc thầm bài thơ, ghi nhớ những chữ cần viết hoa, viết ra nháp những chữ mình dễ mắc lỗi.

b) GV đọc cho HS viết

c) Chấm, chữa bài

GV có thể thu vở để chấm toàn bộ số bài.

4. Củng cố, dặn dò

– GV khuyến khích HS về nhà HTL bài thơ *Sao Mai*.

– Dặn HS làm thử bài luyện tập ở tiết 9 để chuẩn bị kiểm tra cuối năm.

Tiết 7

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm HTL.

2. Củng cố và hệ thống hoá vốn từ theo các chủ điểm : *Lễ hội, Thể thao, Ngôi nhà chung, Bầu trời và mặt đất*.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

– 17 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài TĐ có yêu cầu HTL.

– Bút dạ + một số tờ phiếu khổ to kẻ sẵn bảng để HS làm BT2 (xem mẫu ở phần lời giải BT2).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Kiểm tra học thuộc lòng (số HS còn lại) : Thực hiện như tiết 5, 6.

3. Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài ; làm bài theo nhóm. GV phát phiếu và bút dạ cho các nhóm.

– Đại diện các nhóm dán bài lên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp và GV nhận xét nhóm có vốn từ phong phú nhất.

– Cả lớp làm bài vào vở (hoặc VBT).

Lời giải

Lễ hội	<p>– Tên một số lễ hội : <i>Đền Hùng, Đền Gióng, Chử Đồng Tử, Kiếp Bạc, Cổ Loa, chùa Keo...</i></p> <p>– Tên một số hội : <i>Lim, lũng tùng (xuống đồng), bơi chải, chọi trâu, đua voi, đua thuyền, thả chim, hội khoả Phù Đổng,...</i></p> <p>– Tên một số hoạt động vui chơi trong lễ hội và hội : <i>cúng lễ, hát đối đáp, ném còn, thả chim, thả diều, thi nấu cơm, thi vật, đua thuyền, kéo co, ném còn, cướp cờ, đánh đu, chọi gà,...</i></p>
Thể thao	<p>– Từ ngữ chỉ những người hoạt động thể thao : <i>vận động viên, cầu thủ, đấu thủ, trọng tài, trọng tài biên, trọng tài chính, huấn luyện viên,...</i></p> <p>– Từ ngữ chỉ các môn thể thao : <i>bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, bóng bầu dục, bóng chày, bóng bàn, bơi lội, bắn súng, quyền Anh, chạy vượt rào, chạy việt dã, nhảy cao, nhảy xa, nhảy sào, nhảy cầu, nhảy dù,...</i></p>
Ngôi nhà chung	<p>– Tên các nước Đông Nam Á : <i>In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Đông Ti-mo, Việt Nam.</i></p> <p>– Tên một số nước ngoài vùng Đông Nam Á : <i>Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nga, Anh, Pháp, Mĩ, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, Ma-rốc, Tuy-ni-di, An-giê-ri,...</i></p>
Bầu trời và mặt đất	<p>– Từ ngữ chỉ các hiện tượng thiên nhiên : <i>mưa, bão, gió, nắng, hạn hán, lũ lụt, cơn dông, gió xoáy, gió lốc, vòi rồng,...</i></p> <p>– Từ ngữ chỉ hoạt động của con người làm giàu, làm đẹp thiên nhiên : <i>xây dựng nhà cửa, trồng cây, đắp đê, đào kênh, trồng rừng, bảo vệ động vật hoang dã,...</i></p>

4. Củng cố, dặn dò

– GV nhắc HS ghi nhớ những từ ngữ vừa được ôn luyện.

– Dặn HS chuẩn bị giấy, bút để làm bài kiểm tra cuối năm.

Tiết 8

Kiểm tra

(Đọc – hiểu, Luyện từ và câu)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 8), GV, hiệu trưởng hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương tự ra đề kiểm tra Đọc – hiểu, Luyện từ và câu. Gợi ý hướng ra đề :

– Văn bản có độ dài khoảng 140, 150 chữ. Có thể chọn văn bản trong SGK (các bài tập đọc đã học từ đầu năm) hoặc văn bản ngoài SGK phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của học sinh lớp 3.

– Phần câu hỏi và bài tập không quá 5 câu (ra đề kiểu trắc nghiệm lựa chọn), trong đó có 2, 3 câu kiểm tra sự hiểu bài và 2, 3 câu kiểm tra về từ và câu.

– Thời gian làm bài khoảng 30 phút (không kể thời gian giao đề và giải thích đề). Các bước tiến hành :

+ GV phát đề kiểm tra cho từng HS (Với những vùng khó khăn không có điều kiện phô tô đề, GV chép đề kiểm tra lên bảng).

+ GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của bài, cách làm bài.

+ HS đọc thật kĩ bài văn, bài thơ trong khoảng 15 phút.

+ HS khoanh tròn ý đúng (hoặc đánh dấu X vào ô trống) trong giấy kiểm tra để trả lời câu hỏi. Lúc đầu tạm đánh dấu X vào ô trống bằng bút chì. Làm bài xong, kiểm tra lại kết quả bằng cách đọc kĩ lại bài văn, thơ, rà soát lời giải, cuối cùng, đánh dấu chính thức bằng bút mực.

Ở những nơi không có điều kiện phô tô đề phát cho từng HS, HS chỉ cần ghi vào giấy kiểm tra số thứ tự câu hỏi kèm kí hiệu a, b, c. VD, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong bài luyện tập tiết 8 (SGK) :

Câu 1 : ý a

Câu 2 : ý c

Câu 3 : ý c (3 hình ảnh : 1. Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ ; 2. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi ; 3. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.)

Câu 4 : ý b

Câu 5 : ý a

Tiết 9

Kiểm tra

(Chính tả – Tập làm văn)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 9), GV, hiệu trưởng hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương tự ra đề kiểm tra Chính tả, Tập làm văn theo gợi ý sau :

1. Chính tả : Chọn một đoạn văn xuôi hoặc thơ có độ dài khoảng 60 chữ, viết trong thời gian khoảng 12 phút. Có thể chọn văn bản trong SGK hoặc văn bản ngoài SGK phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 3.

2. Tập làm văn : HS viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) có nội dung liên quan đến những chủ điểm đã học. Nếu nội dung này có liên quan đến nội dung bài chính tả thì càng tốt.

Thời gian làm bài khoảng 28 phút.

Chú ý : Các điểm kiểm tra Đọc thành tiếng, Học thuộc lòng, Đọc – hiểu và Luyện từ và câu, Chính tả và Tập làm văn được tính theo quy định của Vụ Giáo dục Tiểu học.

Mẫu đề kiểm tra

Họ và tên :
Lớp :

Ngày ... tháng ... năm 200...

KIỂM TRA CUỐI NĂM – MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

BÀI KIỂM TRA ĐỌC

ĐỌC THẦM

(30 PHÚT)

Cây gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy !

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tung bùng ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư. Cây đứng im, cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ

Theo VŨ TÚ NAM

Dựa vào nội dung bài đọc, đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng :

1. Mục đích chính của bài văn trên là tả sự vật nào ?

- Tả cây gạo.
- Tả chim.
- Tả cả cây gạo và chim.

2. Bài văn tả cây gạo vào thời gian nào ?

- Vào mùa hoa.
- Vào mùa xuân.
- Vào hai mùa kế tiếp nhau.

3. Bài văn trên có mấy hình ảnh so sánh ?

1 hình ảnh.

Đó là :

2 hình ảnh.

Đó là :

.....

3 hình ảnh.

Đó là :

.....

.....

4. Những sự vật nào trong đoạn văn trên được nhân hoá ?

Chỉ có cây gạo được nhân hoá.

Chỉ có cây gạo và chim chóc được nhân hoá.

Cả cây gạo, chim chóc và con đò đều được nhân hoá.

5. Trong câu "Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim", tác giả nhân hoá cây gạo bằng cách nào ?

Dùng một từ vốn chỉ hoạt động của người để nói về cây gạo.

Gọi cây gạo bằng một từ vốn dùng để gọi người.

Nói với cây gạo như nói với người.

Họ và tên :

Lớp :

Ngày ... tháng ... năm 200...

KIỂM TRA CUỐI NĂM – MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

BÀI KIỂM TRA VIẾT

A - Chính tả (Nhớ – viết) (12 phút)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

B - Tập làm văn (28 phút)

Viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) theo một trong các đề bài sau :

1. Kể về một người lao động.
2. Kể về một ngày lễ hội ở quê em.
3. Kể lại một cuộc thi đấu thể thao.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....